

**MUA [+29.7%]**

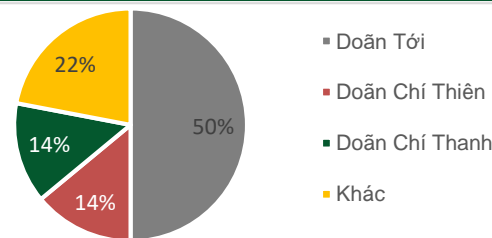
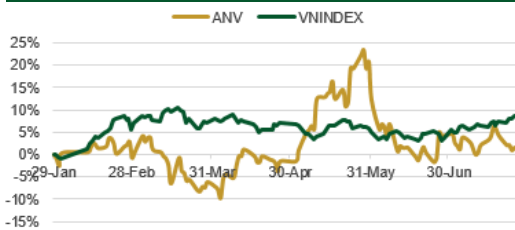
Ngày cập nhật: 15/08/2019

Giá mục tiêu	32,432	VND
Giá hiện tại	25,000	VND

**Bùi Thị Thùy Dương**  
 (+84-8) 5413 5472 – duongbui@phs.vn

**Thông tin cổ phiếu**

CP đang lưu hành (triệu)	127.1
Free-float (triệu)	31.8
Vốn hóa (tỷ đồng)	3,407
KLGD TB 3 tháng	594,347
Sở hữu nước ngoài	2.7%
Ngày niêm yết đầu tiên	07/12/2007

**Cổ đông lớn (tại ngày 31/12/2018)**

**Biến động giá cổ phiếu so với Index**

**Lịch sử định giá**


Nguồn: FiinPro

**Kim ngạch xuất khẩu tăng gấp đôi nhờ dự án Bình Phú**

**Cập nhật KQKD 6M2019:** Nửa đầu năm 2019, ANV ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,975 tỷ đồng (+17.3% YoY), hoàn thành 39.5% kế hoạch và LNST đạt 353 tỷ đồng (+82.5% YoY), hoàn thành 50% kế hoạch cả năm 2019. Xét riêng quý 2/2019, doanh thu thuần đạt 1,064 tỷ đồng (+22.6% YoY), LNST đạt 152.7 tỷ đồng (+30% YoY). Mặc dù giá cá tra có chiều hướng bất lợi trong nửa đầu năm nhưng ANV vẫn duy trì biên lãi gộp ở mức cao 25.4% (cùng kỳ năm trước là 15.6%) nhờ lượng đơn hàng tăng với giá bán cao.

**Dự báo 2019:** Với giá định kim ngạch xuất khẩu 2 quý cuối năm tăng trưởng mạnh 50% nâng tổng kim ngạch cả năm đạt 200 triệu USD nhờ vùng nuôi Bình Phú sẽ vào thời điểm thu hoạch trong cuối năm nay. Dự báo cả năm 2019, doanh thu thuần của ANV đạt 4,743 tỷ đồng (+15% YoY). Với giả định biên lãi gộp đạt 21.8%, ước tính LNST đạt tương ứng 677 tỷ đồng (+13% YoY).

**Động lực tăng trưởng:**

**(1) Tăng sản lượng với dự án Bình Phú:** Dự án vùng nuôi công nghệ cao Bình Phú với diện tích gần 600 ha sẽ được xây dựng và hoàn thành trong năm 2019 – 2020 kỳ vọng sẽ nâng khả năng tự chủ lên 120,000 tấn cá nguyên liệu mỗi năm, từ đó ước tính tăng giá trị xuất khẩu lên gấp đôi so với năm 2018 (250 – 300 triệu USD/ năm).

**(2) Thị trường Trung Quốc còn tiềm năng nhờ nhu cầu lớn:** Kim ngạch xuất khẩu của ANV tại thị trường này tăng trưởng nhanh 53% trong 6 tháng 2019 và biên lãi gộp cũng gia tăng tích cực lên 21% bất chấp những lo ngại về nhu cầu suy yếu. Theo ANV, đối tác Fenglei hiện vẫn liên tục nhập khẩu với số lượng lớn trong khi năng suất hiện tại của ANV vẫn chưa đủ đáp ứng. Dự báo khi vùng nuôi Bình Phú đi vào hoạt động, kỳ vọng sẽ nâng sản lượng nuôi trồng trung bình từ 95,000 tấn cá lên 120,000 tấn cá mỗi năm.

**Rủi ro:**

**(1) Rủi ro tỷ giá:** Đầu tháng 8, Trung Quốc đã hạ giá đồng nhân dân tệ (NDT) khiến đồng tiền mất giá 1.5%, lần đầu tiên vượt mốc 7 NDT đổi 1 USD, điều này lo ngại sẽ khiến giá nhập khẩu tăng, nhu cầu giảm, biên lãi gộp của ANV cũng có thể ảnh hưởng do công ty chấp nhận bán giá thấp để giữ đơn hàng.

**(2) Cạnh tranh với cá rô phi tại thị trường Trung Quốc:** Trong bối cảnh cá rô phi Trung Quốc bị áp thuế cao khi xuất sang Mỹ, nhiều khả năng sẽ chuyển hướng sang tiêu dùng nội địa, điều này sẽ gây bất lợi cho cá tra Việt Nam tại thị trường Trung Quốc.

**Quan điểm đầu tư:**

Bằng phương pháp định giá DCF, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý cho ANV sẽ vào khoảng **32,432 đồng/ cổ phiếu**. Từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này.

Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	2,770	2,494	2,825	2,949	4,118	4,743
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	61	2	19	142	600	677
EPS (VND)	929	24	203	1,152	4,831	5,341
Tăng trưởng EPS (%)	873%	-97%	745%	466%	319%	11%
Giá trị sổ sách (VND)	20,503	19,633	19,833	11,148	14,787	16,990
P/E	21.0	146.8	12.1	9.1	6.2	6.1
P/B	1.0	0.2	0.1	0.9	2.0	1.9
Cổ tức tiền mặt (%)	0%	0%	0%	0%	0%	-

(\*) PHS Research

## Ngành cá tra đón nhận lợi thế và khó khăn đan xen

6 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt 961.6 triệu USD (-4.1% yoy), sự sụt giảm chủ yếu đến từ thị trường Mỹ khi giá trị xuất khẩu giảm mạnh 28% do ảnh hưởng từ việc tăng thuế chống bán phá giá trong đợt xem xét hành chính lần thứ 14 (POR 14). Theo đó, DOC đã công bố mức thuế cuối cùng cao hơn nhiều so với kết quả sơ bộ trong tháng 9/2018. Trái lại, Trung Quốc – HongKong vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng dương 1.2% và vươn lên dẫn đầu thị phần xuất khẩu cá tra Việt Nam. Bên cạnh đó, xuất khẩu sang EU và khu vực ASEAN trong giai đoạn đầu năm cũng tăng trưởng tích cực, lần lượt tăng 18% và 7.9% YoY.

Trong Q3/2019, ngành cá tra được kỳ vọng sẽ hồi phục trở lại nhưng sẽ không quá 15% so với cùng kỳ 2018, nhờ vào:

- **Thị trường Trung Quốc: kỳ vọng tích cực nhờ nới lỏng chính sách nhập khẩu**

Trung Quốc hiện là thị trường xuất khẩu lớn của cá tra Việt Nam với tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2014 – 2018 là 49% mỗi năm. Nhu cầu lớn cộng với chính sách nới lỏng nhập khẩu đối với 33 mặt hàng thủy sản Việt Nam trong đó có cá tra kỳ vọng sẽ mở rộng cơ hội xuất khẩu cá tra sang thị trường này.

- **Thị trường EU: cơ hội lớn từ hiệp định EVFTA**

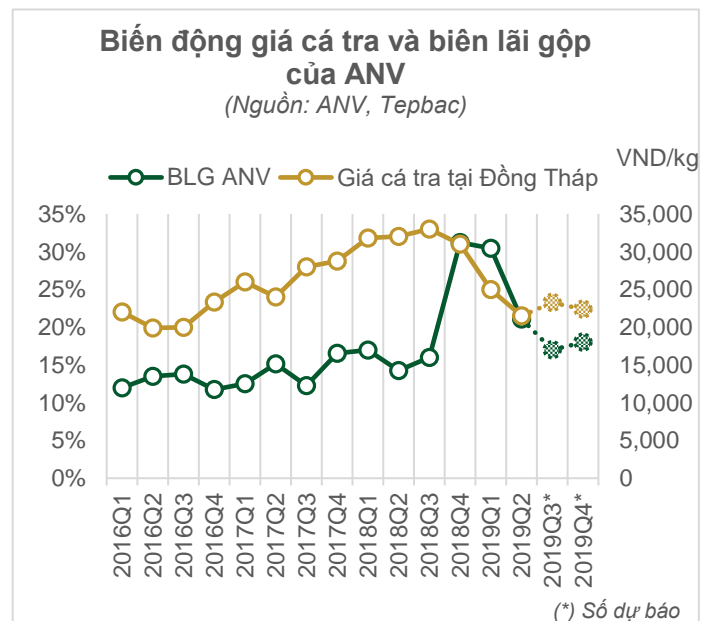
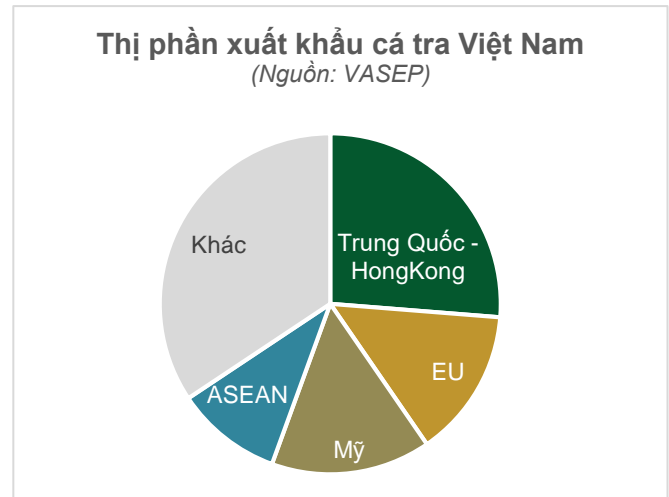
EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ ba của cá tra Việt Nam (*chiếm 14% kim ngạch xuất khẩu*) với tốc độ tăng trưởng cao trong năm 2018 (+20% YoY) và trong 6 tháng đầu năm 2019 (+18% YoY). Dự báo trong dài hạn, xuất khẩu cá tra sang EU sẽ tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ EVFTA. Theo đó, mặc dù kém thuận lợi hơn do không được giảm ngay về 0% khi hiệp định có hiệu lực, tuy nhiên về dài hạn, các sản phẩm cá tra Việt Nam bao gồm phile tươi ướp lạnh, phile đông lạnh, cá tra đông lạnh đều được giảm về 0% trong vòng 3 năm.

Bên cạnh những lợi thế về thuế, ngành cá tra vẫn còn gặp một số khó khăn, Thứ nhất, giá cá tra hiện đang giao dịch ở mức đáy thấp nhất trong vòng 3 năm. Thứ hai, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn ra khiến cá rô phi Trung Quốc gặp khó khi xuất khẩu sang Mỹ và có xu hướng chuyển sang tiêu thụ nội địa. Thứ 3, đồng Nhân dân tệ mất giá cũng có thể sẽ khiến sản phẩm nhập khẩu kém cạnh tranh hơn.

## Biên lãi gộp năm 2019 vẫn sẽ duy trì ở mức cao bất chấp giá cá tra còn thấp

Giá cá tra trong tháng 7 đã giảm về mức đáy 19,500 đồng/kg, thấp nhất trong vòng 3 năm do tình trạng dư cung diễn ra sau khi giá cá tra đạt đỉnh trong năm 2018, trong khi đó, tình hình tiêu thụ giảm tại Mỹ cũng đã kéo giá cá tra đi xuống. Dự báo trong những tháng cuối năm, giá cá tra sẽ hồi phục nhẹ trở lại nhờ nhu cầu gia tăng thời điểm cuối năm nhưng vẫn sẽ ở mức thấp.

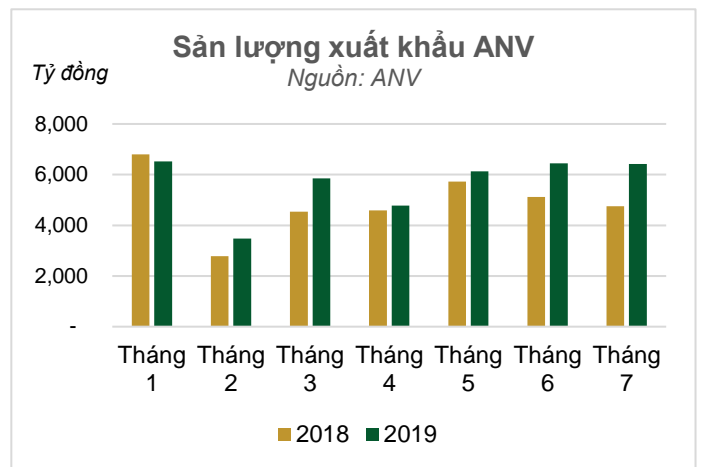
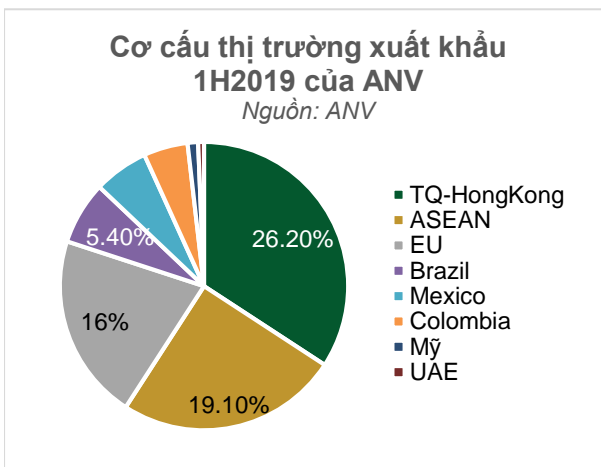
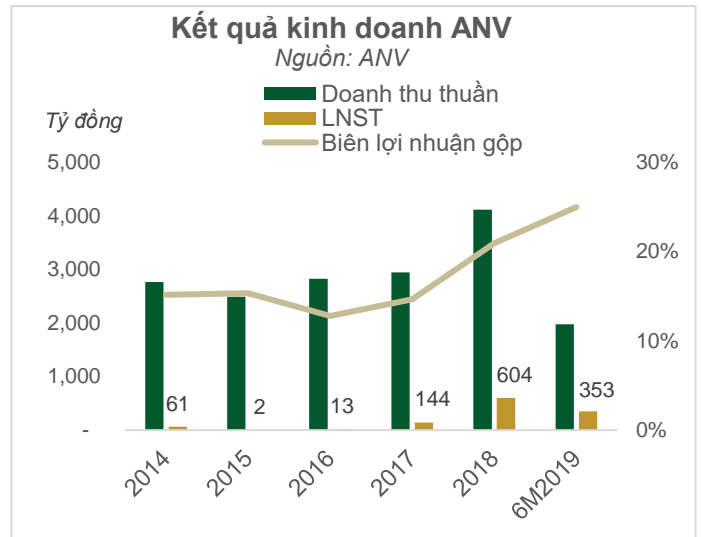
Trong 2 quý đầu năm, mặc dù giá cá tra đã giảm mạnh từ mức đỉnh 31,000 đồng/kg của cuối năm 2018 xuống chỉ còn 19,500 đồng/kg của hiện tại, tuy nhiên ANV vẫn duy trì biên lãi gộp tích cực nhờ chốt được nhiều hợp đồng giá cao từ năm trước. Dự báo 2 quý còn lại năm 2019, biên lãi gộp ANV khó duy trì ở mức cao như 2 quý đầu năm do đồng Nhân dân tệ mất giá trong khi ANV xuất hàng – thu tiền bằng USD, nên có thể ANV sẽ chấp nhận phần chênh lệch này để duy trì lượng đơn hàng. Từ đó, dự báo biên lãi gộp tính chung cả năm 2019 đạt 21.8%, khá tương đương so với năm 2018.



## Kết quả 6 tháng 2019 duy trì tăng trưởng tích cực nhờ duy trì lượng đơn hàng tăng với giá bán cao

Tính trong 6 tháng, kim ngạch xuất khẩu của Nam Việt đạt 66.6 triệu USD (+11% YoY), trong đó 2 thị trường chủ lực là Trung Quốc và ASEAN đều tăng trưởng mạnh 53% và 30% so với cùng kỳ năm trước.

Nhờ vậy, ANV ghi nhận doanh thu thuần đạt 1,975 tỷ (+17% YoY) và LNST đạt 353 tỷ đồng (+83% YoY), lần lượt hoàn thành 40% và 50% kế hoạch cả năm. Biên lợi nhuận trong 2 quý đầu năm cũng cải thiện từ mức 16% của cùng kỳ năm trước lên mức 25%, chủ yếu nhờ sản lượng duy trì tăng trưởng 12% với giá bán cao.



## Kế hoạch mở rộng sản xuất nhờ dự án Bình Phú

Sức mua tại thị trường Trung Quốc đang lớn và ANV định hướng sẽ hợp tác với trang thương mại điện tử lớn nhất Trung Quốc là Alibaba đòi hỏi ANV phải tăng năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng. Hiện tại, ANV có tổng cộng 330 ha vùng nuôi cung cấp gần 95,000 tấn cá nguyên liệu mỗi năm. Dự án vùng nuôi công nghệ cao Bình Phú với diện tích gần 600 ha sẽ được xây dựng và hoàn thành trong năm 2019 – 2020 kỳ vọng sẽ nâng khả năng tự chủ lên 120,000 tấn cá nguyên liệu mỗi năm, từ đó ước tính tăng giá trị xuất khẩu lên gấp đôi so với năm 2018 (250 – 300 triệu USD/ năm).

Hiện tỷ lệ hoàn thành xây dựng cơ bản tại Bình Phú là 80%, 150 ao cá thịt và 20 ao cá giống đã được thả tính đến cuối Q2/2019. Ngoài ra, dự án cũng sẽ được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế 0% trong 3 năm đầu nhờ hoạt động nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, 9 năm tiếp theo là 5% và những năm còn lại là 10%.

	2018	2019 - 2020
Khâu thức ăn chăn nuôi	8 lines nhà máy (công suất 800 tấn/ngày)	8 lines nhà máy (công suất 800 tấn/ngày)
Vùng nuôi	330 ha (cung cấp 95,000 tấn cá/ năm)	930 ha (cung cấp 120,000 tấn cá /năm)
Nhà máy chế biến	3 nhà máy	3 nhà máy
Tổng giá trị XK	147 triệu USD/ năm	200 - 300 triệu USD/ năm

## Quan điểm đầu tư

Ngành cá tra Việt Nam hiện đang gặp một số khó khăn nhất định từ việc giá cá tra nguyên liệu xuống thấp và lo ngại nhu cầu suy yếu do chiến tranh thương mại. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng ANV vẫn còn cơ hội duy trì tăng trưởng nhờ:

### (1) Tình hình xuất khẩu sang Trung Quốc của ANV

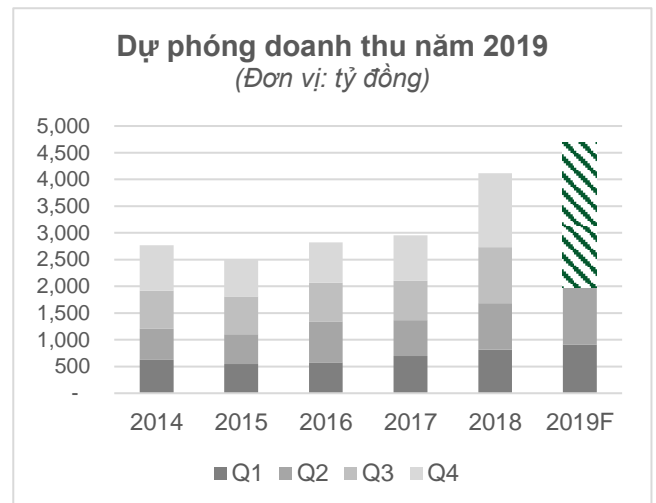
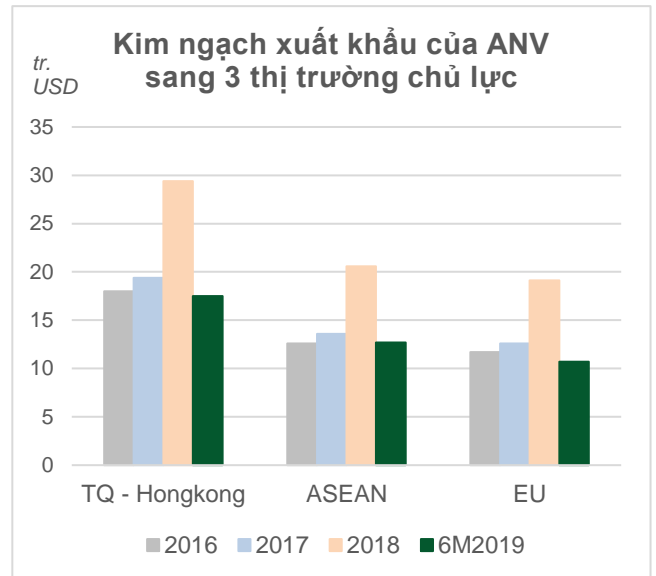
**vẫn thuận lợi:** Bất chấp lo ngại việc căng thẳng thương mại sẽ khiến cá rô phi của Trung Quốc gặp khó khi xuất sang Mỹ và chuyển hướng sang tiêu dùng nội địa, cạnh tranh trực tiếp với cá tra Việt Nam, tuy nhiên tình hình xuất khẩu của ANV sang thị trường này vẫn duy trì tăng trưởng tích cực. Tính chung 6 tháng, giá trị xuất khẩu của ANV sang Trung Quốc đạt gần 18 triệu USD (+53% YoY). Đối tác Fenglei của ANV tại thị trường Trung Quốc vẫn đang đặt hàng số lượng lớn mà khả năng hiện tại chưa đáp ứng đủ, kỳ vọng khi vùng nuôi Bình Phú đến thời điểm thu hoạch vào cuối năm nay sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng xuất khẩu sang thị trường này.

### (2) Thị trường ASEAN tăng trưởng tốt nhờ tận dụng mức giá rẻ:

Việc giá cá tra giảm về mức giá khá hấp dẫn đã kích thích sản lượng tiêu dùng tại thị trường này. Tính trong 6 tháng, xuất khẩu của ANV sang các nước ASEAN tăng trưởng 22% YoY, trong đó Thái Lan là thị trường chủ lực, chiếm gần 14% trong tổng xuất khẩu của ANV.

Với giả định kim ngạch xuất khẩu 2 quý cuối năm tăng trưởng mạnh 50% nâng tổng kim ngạch cả năm đạt 200 triệu USD nhờ vùng nuôi Bình Phú sẽ vào thời điểm thu hoạch trong cuối năm nay. Dự báo cả năm 2019, doanh thu thuần của ANV đạt 4,743 tỷ đồng (+15%). Với giả định biên lãi gộp đạt 21.8%, ước tính lãi ròng sau thuế đạt tương ứng 677 tỷ đồng (+13%).

Bằng phương pháp định giá DCF, chúng tôi ước tính mức giá hợp lý cho cổ phiếu ANV sẽ vào khoảng **32,432 đồng/ cổ phiếu**. Từ đó đưa ra khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu này.

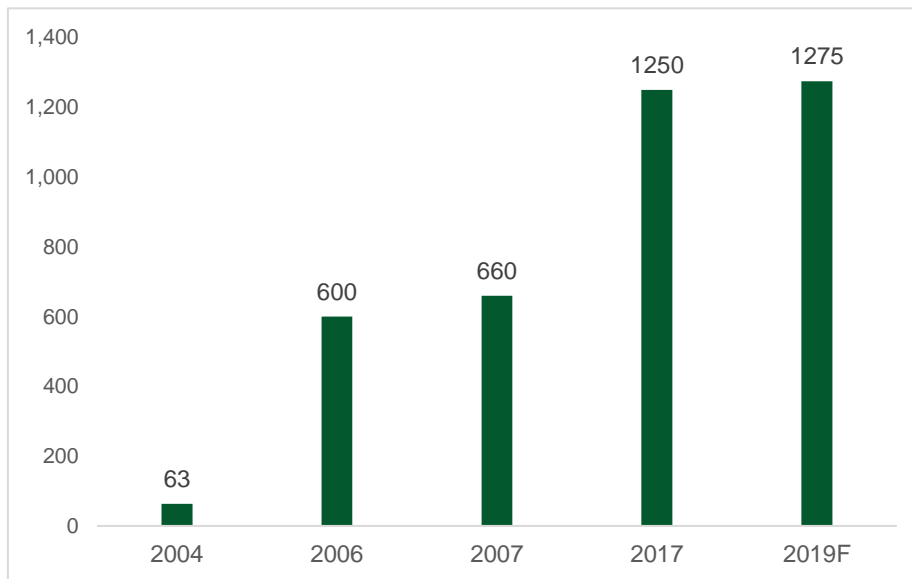


## Sơ lược công ty

- Công ty Cổ phần Nam Việt là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nam Việt vào tháng 10/2006, với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá tra, cá basa đông lạnh.
- Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 với vốn điều lệ ban đầu là 27 tỷ đồng và chức năng kinh doanh chính là xây dựng dân dụng và công nghiệp. Năm 2000, Công ty quyết định đầu tư mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực chế biến thủy sản, khởi đầu là việc xây dựng Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý với tổng vốn đầu tư là 30.8 tỷ đồng, chuyên chế biến xuất khẩu cá tra, cá basa đông lạnh. Trong khoảng thời gian từ năm 2001 đến năm 2004, Nam Việt đã đầu tư thêm hai nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh là Nhà máy Nam Việt (được đổi tên từ Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý) và Nhà máy Thái Bình Dương với tổng công suất chế biến trung bình của Công ty là 500 tấn cá/ngày.
- Ngày 18/4/2007, Nam Việt đã phát hành ra công chúng 6 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 660 tỷ đồng.
- Là doanh nghiệp đứng thứ 5 về xuất khẩu cá tra uy tín và lớn nhất trong năm 2017.



## Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



Nguồn: ANV và PHS tổng hợp

**Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)**

KQKD	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu thuần	2,770	2,494	2,825	2,949	4,118	4,743
Giá vốn hàng bán	(2,349)	(2,112)	(2,463)	(2,517)	(3,256)	(3,700)
Lợi nhuận gộp	421	383	361	432	862	1,043
Chi phí bán hàng	(192)	(160)	(136)	(146)	(161)	(210)
Chi phí QLDN	(114)	(70)	(134)	(39)	(9)	(14)
Lợi nhuận từ HĐKD	52	8	39	198	689	783
Lợi nhuận tài chính	(62)	(76)	65	(44)	(1)	(36)
Chi phí lãi vay	(66)	(82)	(76)	(57)	(46)	(69)
Lợi nhuận trước thuế	62	5	29	167	690	783
Lợi nhuận sau thuế	61	2	13	144	604	681
LNST của cổ đông Công ty mẹ	61	2	19	142	600	677
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
<b>Tài Sản Ngắn Hạn</b>	<b>1,909</b>	<b>1,824</b>	<b>1,908</b>	<b>1,317</b>	<b>2,090</b>	<b>2,364</b>
Tiền và tương đương tiền	9	13	22	26	69	53
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	-	1	-	452	174
Phải thu ngắn hạn	549	464	643	383	569	779
Hàng tồn kho	1,148	1,302	1,195	874	962	1,300
Tài sản ngắn hạn khác	204	45	47	34	38	59
<b>Tài Sản Dài Hạn</b>	<b>1,418</b>	<b>1,450</b>	<b>1,110</b>	<b>1,385</b>	<b>1,336</b>	<b>1,634</b>
Phải thu dài hạn	-	19	264	253	5	5
Tài sản cố định	417	479	489	519	549	616
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	1	-
Chi phí xây dựng dở dang	165	110	126	66	393	441
Đầu tư tài chính dài hạn	725	755	155	478	326	468
Tài sản dài hạn khác	110	86	75	70	63	104
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>3,327</b>	<b>3,274</b>	<b>3,018</b>	<b>2,702</b>	<b>3,426</b>	<b>3,998</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,974</b>	<b>1,978</b>	<b>1,709</b>	<b>1,308</b>	<b>1,577</b>	<b>1,831</b>
Nợ ngắn hạn	1,855	1,639	1,487	1,232	1,567	1,663
Nợ dài hạn	119	339	222	76	10	169
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,353</b>	<b>1,296</b>	<b>1,309</b>	<b>1,394</b>	<b>1,849</b>	<b>2,167</b>
Vốn điều lệ	660	660	660	1,250	1,250	1,275
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	1	2	3	4	5
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>3,327</b>	<b>3,274</b>	<b>3,018</b>	<b>2,702</b>	<b>3,426</b>	<b>3,998</b>

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	2	52	264	746	721	481
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	(315)	(154)	101	(375)	(685)	(395)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	264	106	(357)	(366)	7	(102)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(50)	4	9	4	43	(17)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	59	9	13	22	26	69
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	9	13	21	26	69	52

Chỉ số tài chính (%)	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
<b>Tăng trưởng</b>						
Doanh thu	8%	-10%	13%	4%	40%	15%
Lợi nhuận sau thuế	810%	-98%	1179%	632%	321%	13%
Tổng tài sản	18%	-2%	-8%	-10%	27%	17%
Tổng VCSH	-1%	-4%	1%	6%	33%	17%
<b>Khả năng sinh lời</b>						
Tỷ suất lãi gộp	15%	15%	13%	15%	21%	22%
Tỷ suất EBIT	4%	4%	4%	9%	18%	18%
Tỷ suất EBITDA	7%	6%	6%	12%	20%	20%
Tỷ suất lãi ròng	2%	0%	1%	5%	15%	14%
ROA	2%	0%	1%	5%	18%	17%
ROE	5%	0%	1%	10%	32%	31%
<b>Hiệu quả hoạt động</b>						
Vòng quay khoản phải thu	5.0	5.4	4.4	7.7	7.2	6.1
Vòng quay HTK	2.4	1.9	2.4	3.4	4.3	3.6
Vòng quay khoản phải trả	7.3	12.0	12.8	29.6	34.6	18.8
<b>Khả năng thanh toán</b>						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.97	0.92	1.12	1.01	1.33	1.29
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.41	0.32	0.48	0.36	0.72	0.64
<b>Cấu trúc tài chính</b>						
Tổng nợ/Tổng TS	59%	60%	57%	48%	46%	46%
Tổng nợ/VCSH	146%	153%	131%	94%	85%	85%
Vay ngắn hạn/VCSH	137%	127%	114%	88%	85%	77%
Vay dài hạn/VCSH	9%	26%	17%	5%	1%	8%

Nguồn: PHS

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801